

Bản án số: 54/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 27/12 /2017

V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thoa**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Ngọc Chiến**

2. Bà **Lê Thị Thanh Thủy**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Đức Long** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Bích Hồng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2017 về việc **“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐXX-ST ngày 01/12/2017; quyết định hoãn phiên tòa số 36/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn N**; sinh năm: 1970;

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Nơi ĐKNKTT: Tổ A, khu B, phường C, thành phố D, tỉnh Quảng Ninh - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thanh H**; sinh năm: 1979;

Nghề nghiệp: Không

Nơi ĐKNKTT: Tổ A, khu B, phường C, thành phố D, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: Tổ A1, khu B1, phường C1, thành phố D, tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, lời tự khai và tại phiên toà nguyên đơn anh Nguyễn Văn N đều trình bày: Anh kết hôn với chị Phạm Thanh H vào năm 2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường C1. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng một năm. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà chồng ở tổ A, khu B, phường C, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không thể hòa hợp nên thường hay cãi nhau. Hai vợ chồng không thể cùng nhau bàn bạc được vấn đề gì. Do vợ chồng mâu thuẫn nên năm 2012 cô H đã về ngoại sống, vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thanh H.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là Nguyễn Nguyệt A2; Sinh ngày: 10/7/2002 và Nguyễn Thùy D1 sinh ngày 04/12/2007. Khi ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Thu nhập bình quân của anh là 5.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung, công nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phạm Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần xong chị H đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tiến hành thu thập chứng cứ, lấy lời khai của người làm chứng tại nơi anh N và chị H cư trú đều thể hiện: anh N và chị H cùng chung sống tại tổ A, khu B phường C. Năm 2012 anh chị có mâu thuẫn, nên chị H đã đưa con về ngoại sống nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cả hai không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, không còn quan tâm đến nhau. Khi anh N có đơn xin ly hôn khu phố cũng tiến hành hòa giải nhưng chị H vắng mặt. Anh N và chị H có hai con chung là Nguyễn Nguyệt A2, sinh ngày: 10/7/2002 và Nguyễn Thùy D1, sinh ngày 04/12/2007. Khi ly hôn anh xin được nuôi dưỡng hai con chung, Tòa án xem xét theo nguyện vọng của các con và theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, thủ tục tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định. Nguyên Đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm. Bị đơn không có mặt tại Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N và chị Phạm Thanh H là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C1, do hai người cùng tự nguyện. Sau kết hôn hai người về chung sống tại tổ A, khu B, phường C. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm, không nói chuyện hay bàn bạc với nhau được vấn đề gì. Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên năm 2012 chị H đã về ngoại sống vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay. Anh, chị không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, tại phiên tòa anh N giữ nguyên quan điểm mâu thuẫn của vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị H không có mặt nên không rõ quan điểm của chị H về tình trạng hôn nhân của chị và anh N.

Tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh N và chị H phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ tại nơi cư trú. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N đối với chị Phạm Thanh H

Về con chung: Anh N và chị H có hai con chung là Nguyễn Nguyệt A2, sinh ngày: 10/7/2002 và Nguyễn Thùy D1, sinh ngày 04/12/2007. Khi ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Thu nhập bình quân của anh là 5.000.000đồng/tháng. Xét thấy anh N có việc làm, có thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung, mặt khác các con chung của anh N và chị H đủ tuổi lấy lời khai, đều có quan điểm muốn được ở cùng bố. Tại phiên tòa chị H vắng mặt không rõ quan điểm của chị H về con chung. Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N đối với chị H nên căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin được nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Nguyệt A2 Và Nguyễn Thùy D1 của anh N, anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh N và chị H không có tài sản chung, công nợ chung không có, nên tòa án không đề cập giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 28, Điều 35; Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Phạm Thanh H.

Giao cho anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Nguyệt A2, sinh ngày: 10/7/2002 và Nguyễn Thùy D1, sinh ngày 04/12/2007 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp ngày 02/10/2017 theo biên lai thu tiền số 0009634 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q/N;
- VKSND thành phố C/P;
- CCTHADS thành phố C/P;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS- VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thoa

